

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 9 năm 2021

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế
của Trường THPT Quang Trung, năm học 2020 – 2021**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp10	Lớp11	Lớp12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm				
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1.004 86.18	354 80.27	330 83.97	320 96.68
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	143 12.27	76 17.23	56 14.25	11 3.32
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	17 1.46	10 2.27	7 1.78	0 0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.09	1 0.23	0 0	0 0
II	Số học sinh chia theo học lực				
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	428 36.74	128 29.02	146 37.15	154 46.53
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	383 32.88	143 32.43	111 28.24	129 38.97
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	298 25.58	137 31.07	114 29.01	47 14.20
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	55 4.72	32 7.26	22 5.6	1 0.33
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.09	1 0.23	0 0	0 0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1156 99.23	434 98.41	391 99.49	331 100
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	425 36.48	125 28.34	146 37.15	154 46.53
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	385 33.05	145 32.88	111 28.24	129 38.97
2	Thi lại	53	31	22	0

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp10	Lớp11	Lớp12
	(tỷ lệ so với tổng số)	4.55	7.03	5.60	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	9 0.77	7 1.59	2 0.51	0 0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	8/6	3/6	5/0	0/0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	20 1.72	12 2.72	7 1.78	1 0.30
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	12			12
1	Cấp huyện				
2	Cấp tỉnh/thành phố	12			12
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	331			331
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	331			331
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	219 66.16			219 66.16
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	507/658	196/245	161/232	150/181
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	7	3	2	1

Ghi chú: Số liệu ở mục VII là số liệu chỉ tính những học sinh trúng tuyển đại học có nộp giấy báo trúng tuyển, có nhiều em không nộp nên không thống kê; không thống kê số liệu cao đẳng.

Nơi nhận:

- Phòng GDTrH;
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Uyên